

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Số: 25 /2018/CV-TCHC

V/v: Công bố BCTC quý 4/2017 và giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2017 so với quý 4/2016

Lào Cai, ngày 15 tháng 1 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vân Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017 kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2. Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 4/2016 kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 4/2017 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 4/2016 tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.



Người đại diện theo Pháp luật *lh*

lh
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vân

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
Quý IV/2017



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc Quý IV/2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 3 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại Quý IV/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, Ngày 15 Tháng 01 Năm 2018

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại Quý IV/2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		205.055.943.899	149.725.831.359
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	147.147.151.062	36.850.758.156
Tiền	111		122.147.151.062	808.521.700
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	36.042.236.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	65.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	65.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.833.351.359	29.262.113.825
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.181.154.807	14.574.897.129
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.027.830.759	3.207.090.458
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.624.365.793	11.480.126.238
Hàng tồn kho	140	8	23.040.287.501	18.352.458.685
Hàng tồn kho	141		23.040.287.501	18.352.458.685
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.153.977	260.500.693
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	215.020.671
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	35.153.977	45.480.022
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.778.016.012.314	1.859.039.312.522
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.060.670.918	-
Phải thu dài hạn khác	216	9	18.060.670.918	-
Tài sản cố định	220		1.743.570.284.992	1.842.510.667.439
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.743.570.284.992	1.842.510.667.439
Nguyên giá	222		1.953.637.940.997	1.981.111.832.210
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.067.656.005)	(138.601.164.771)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.986.048.028	4.797.657.322
Xây dựng cơ bản dở dang	242	0	4.986.048.028	4.797.657.322
Tài sản dài hạn khác	260		11.399.008.376	11.730.987.761
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	11.399.008.376	11.730.987.761
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.983.071.956.213	2.008.765.143.881


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.318.212.302.714	1.520.230.012.525
Nợ ngắn hạn	310		113.953.235.341	186.786.945.152
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.880.013.103	9.137.996.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	6.215.757.160	4.655.365.319
Phải trả người lao động	314		4.955.733.040	9.003.417.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.849.433.194	12.949.891.057
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	3.952.489.798	7.241.106.251
Vay ngắn hạn	320	17(a)	89.184.000.000	142.728.291.256
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		915.809.046	1.070.877.691
Nợ dài hạn	330		1.204.259.067.373	1.333.443.067.373
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	21.000.000	21.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.204.238.067.373	1.333.422.067.373
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	400		664.859.653.499	488.535.131.356
Vốn chủ sở hữu	410	18	664.859.653.499	488.535.131.356
Vốn cổ phần	411	19	499.939.607.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		150.531.646.186	62.596.173.723
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		37.939.820.383	24.837.625.468
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		112.591.825.803	37.758.548.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.983.071.956.213	2.008.765.143.881


Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

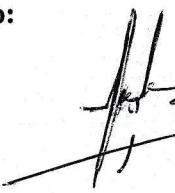
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kết thúc Quý IV/2017

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

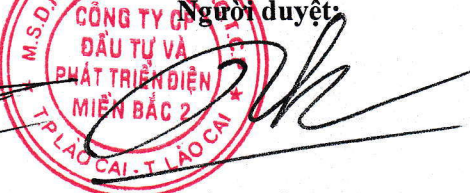
	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
Doanh thu bán hàng	01		128.253.365.254	110.452.679.832	434.599.942.542	400.615.303.165
Giá vốn hàng bán	11		43.352.055.030	37.443.141.630	150.401.860.854	136.471.938.592
Lợi nhuận gộp (20 = 01- 11)	20		84.901.310.224	73.009.538.202	284.198.081.688	264.143.364.573
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	297.338.579	2.197.927.779	1.308.431.019	3.869.430.878
Chi phí tài chính	22	23	34.822.001.571	36.203.733.719	134.831.398.894	152.376.363.878
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.801.433.543	35.090.309.584	134.154.591.571	144.085.379.535
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	14.141.069.383	17.423.407.998	29.169.238.221	35.049.096.956
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		36.235.577.849	21.580.324.264	121.505.875.592	80.587.334.617
Thu nhập khác	31		88.064.660	91.017.931	409.928.956	270.505.232
Chi phí khác	32		3.447.771.353	1.478.578.131	9.323.978.745	1.569.640.831
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.359.706.693)	(1.387.560.200)	(8.914.049.789)	(1.299.135.599)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32.875.871.156	20.192.764.064	112.591.825.803	79.288.199.018
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		32.875.871.156	20.192.764.064	112.591.825.803	79.288.199.018
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc tại Quý IV/2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		112.591.825.803	79.288.199.018
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		71.466.491.234	69.179.371.684
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		270.494.962	-
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		2.440.971.192	(2.141.786.649)
Chi phí lãi vay	06		134.154.591.571	144.085.379.535
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		320.924.374.762	290.411.163.588
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(5.345.890.818)	29.080.974.936
Biến động hàng tồn kho	10		(4.687.828.816)	(8.638.524.618)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		9.615.370.314	(75.027.927.107)
Biến động chi phí trả trước	12		331.979.385	(11.159.536.220)
			320.838.004.827	224.666.150.579
Tiền lãi vay đã trả	14		(143.255.049.434)	(144.096.586.709)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.046.596.605)	(2.271.492.563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		173.536.358.788	78.298.071.307
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(7.915.406.573)	(9.071.692.074)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	44.000.000
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		65.000.000.000	(65.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.117.860.647	3.046.956.120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		58.202.454.074	(70.980.735.954)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc tại Quý IV/2017 (Phương pháp gián tiếp-
tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	88.389.049.680	-
Tiền thu từ đi vay	33	48.241.150.132	233.598.748.807
Tiền trả nợ gốc vay	34	(230.969.441.388)	(199.611.002.760)
Tiền trả cổ tức	36	(27.103.178.380)	(75.992.869.869)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(121.442.419.956)	(42.005.123.822)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	110.296.392.906	(34.687.788.469)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	36.850.758.156
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	147.147.151.062

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại Quý IV/2017, Công ty có 99 nhân viên (1/1/2017: 97 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ nhà điều hành thủy điện	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh là sản xuất điện và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.030.376.267	17.726.245
Tiền gửi ngân hàng	121.116.774.795	790.795.455
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	36.042.236.456
	<hr/>	<hr/>
	147.147.151.062	36.850.758.156
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu người lao động	157.435.190	860.001
Các khoản chi hộ	-	249.575.963
Tạm ứng	4.791.427.145	3.297.617.899
Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai (*)	-	6.829.752.000
Phải thu khác	675.503.458	1.102.320.375
	5.624.365.793	11.480.126.238

(*) Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai là khoản phải thu về việc hoàn trả kinh phí đầu tư Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa theo Công văn số 2209/2016/CV-TCKH ngày 22 tháng 9 năm 2016.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.386.615.225	-	962.835.652	-
Công cụ và dụng cụ	21.653.672.276	-	17.389.623.033	-
	23.040.287.501	-	18.352.458.685	-

9. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm đất thuê (tại xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ thời điểm 1 tháng 8 năm 2013 cho số tiền Công ty đã bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát tại khu đất kể trên. Tiền thuê đất này đang được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023.

Công ty đang trong quá trình quyết toán số tiền thuê được bù trừ với cục Thuế tỉnh Lào Cai.

Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện		Thiết bị văn phòng		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận chuyển		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.413.062.238.000	102.550.958	562.814.111.934	5.132.931.318	1.981.111.832.210					
Tăng trong năm	-	-	-	2.635.076.727	2.635.076.727					
Giảm do quyết toán công trình (*)	(27.536.299.028)	-	(2.572.668.912)	-	(30.108.967.940)					
Số dư cuối năm	1.385.525.938.972	102.550.958	560.241.443.022	7.768.008.045	1.953.637.940.997					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	80.494.048.887	75.175.959	56.509.042.504	1.522.897.421	138.601.164.771					
Khấu hao trong năm	42.238.511.432	9.125.000	28.408.931.434	809.923.368	71.466.491.234					
Số dư cuối năm	122.732.560.319	84.300.959	84.917.973.938	2.332.820.789	210.067.656.005					
Giá trị còn lại										
Số dư đầu năm	1.332.568.189.113	27.374.999	506.305.069.430	3.610.033.897	1.842.510.667.439					
Số dư cuối năm	1.262.793.378.653	18.249.999	475.323.469.084	5.435.187.256	1.743.570.284.992					

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại Quý IV/2017 có nguyên giá là 1.369 triệu VND (1/1/2017: 721 triệu VND).

Tại Quý IV/2017 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án.

Trong năm 2017, giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đã được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Số dư đầu năm	4.797.657.322	10.681.315.849
Tăng trong năm	5.280.329.846	1.678.561.847
Giảm do quyết toán công trình	(1.533.107.301)	-
Xóa sổ	(3.558.831.839)	-
Giảm khác	-	(7.562.220.374)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.986.048.028	4.797.657.322

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	-	1.533.107.301
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	-	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	4.986.048.028	181.818.182
Dự án suối Chăn	-	690.909.090
	<hr/>	<hr/>
	4.986.048.028	4.797.657.322

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thiết bị văn phòng VND	Chi phí thuê văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	119.338.176	11.611.649.585	11.730.987.761
Tăng trong năm	298.621.139	-	298.621.139
Phân bổ trong năm	(311.013.838)	(319.586.686)	(630.600.524)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	106.945.477	11.292.062.899	11.399.008.376

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Tư nhân				
Andritz Hydro	2.078.650.878	2.078.650.878	100.653.672	100.653.672
Công ty truyền tải điện 1	659.406.458	659.406.458	1.620.175.379	1.620.175.379
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	567.805.757	567.805.757	-	-
Công ty TNHH MTV Đức Thiện	526.400.506	526.400.506	-	-
Công ty Cổ phần Vimeco	13.500.306	13.500.306	1.407.300.566	1.407.300.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-	875.218.692	875.218.692
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	-	-	758.747.815	758.747.815
Các nhà cung cấp khác	1.034.249.198	1.034.249.198	4.375.900.393	4.375.900.393
	4.880.013.103	4.880.013.103	9.137.996.517	9.137.996.517

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	13.500.306	13.500.306	1.407.300.566	1.407.300.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-	875.218.692	875.218.692
Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	-	-	105.522.381	105.522.381
	13.500.306	13.500.306	2.388.041.639	2.388.041.639

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại Quý IV/2017, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Biến động khác VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.663.371.928	42.301.955.504	(41.982.159.542)	-	2.983.167.890
Thuế nhà thầu	728.024.193	-	(728.024.193)	-	-
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	10.326.045	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	-	-	-	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	89.863.554	2.896.135.376	(1.992.141.267)	-	993.857.663
Thuế tài nguyên	1.174.105.644	36.099.805.473	(35.035.179.510)	-	2.238.731.607
	4.609.885.297	81.297.896.353	(79.737.504.512)	10.326.045	6.180.603.183

Trong đó:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(35.153.977)	(45.480.022)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.215.757.160	4.655.365.319
	6.180.603.183	4.609.885.297

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	3.849.433.194	12.949.891.057

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	136.409.824	91.954.194
Phải trả về cổ tức	728.078.657	7.066.431.657
Phải trả quỹ phát triển rừng	2.808.595.564	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	279.405.753	82.720.400
	<hr/>	<hr/>
	3.952.489.798	7.241.106.251

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	21.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	53.544.291.256	53.544.291.256	48.241.150.132	(101.785.441.388)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	89.184.000.000	89.184.000.000	109.184.000.000	(109.184.000.000)	89.184.000.000	89.184.000.000
	142.728.291.256	142.728.291.256	157.425.150.132	(210.969.441.388)	89.184.000.000	89.184.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1	VND	8%	-	53.544.291.256
			-	53.544.291.256

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	1.293.422.067.373	1.422.606.067.373
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(89.184.000.000)	(89.184.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.204.238.067.373	1.333.422.067.373
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm	31/12/2017	1/1/2017
	tiền	năm	đáo hạn	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.055.751.972.373	1.075.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	237.670.095.000	346.854.095.000
				<hr/>	<hr/>
				1.293.422.067.373	1.422.606.067.373
				<hr/>	<hr/>

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	79.288.199.018	79.288.199.018
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(83.059.301.526)	(83.059.301.526)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	415.296.507.633	10.642.450.000	62.596.173.723	488.535.131.356
Phát hành cổ phiếu	84.643.100.000	3.745.949.680	-	88.389.049.680
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	112.943.487.047	112.943.487.047
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	499.939.607.633	14.388.399.680	150.883.307.430	665.211.314.743

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	41.529.650	415.296.507.633
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Cổ phiếu phát hành trong năm	8.464.310	84.643.100.000	-	-
Số dư cuối năm	49.993.960	499.939.607.633	41.529.650	415.296.507.633

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 62.294 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu). Trong năm 2016, Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 là 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu) theo Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2016.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và chưa kết hợp đồng	155.200.000.000	-

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lãi tiền gửi	1.117.860.647	3.559.339.780
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	190.570.372	310.091.098
	1.308.431.019	3.869.430.878

24. Chi phí tài chính

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay	134.154.591.571	144.085.379.535
Phí bảo lãnh cho các khoản vay	-	7.943.844.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	270.494.962	-
Chi phí tài chính khác	406.312.361	347.140.157
	134.831.398.894	152.376.363.878

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí nhân công	17.818.715.898	19.321.035.880
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	82.303.016	664.671.267
Chi phí khấu hao	467.899.142	899.371.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.085.357.335	5.406.096.041
Chi phí khác	6.714.962.830	8.757.922.084
	29.169.238.221	35.049.096.956

26. Chi phí khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền phạt hợp đồng điều chỉnh khi quyết toán thủy điện Ngòi Phát	1.265.735.109	-
Chi phí thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng khi quyết toán thủy điện Ngòi Phát	3.458.454.111	-
Chi phí khi ghi giảm giá trị tài sản vô hình dự án Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.867.922.749	1.461.553.131
Chi phí khi ghi giảm giá trị tài sản vô hình dự án Suối Chăn	690.909.090	-
Phạt hành chính cho Kho bạc	342.683.077	-
Chi phí khác	698.274.609	108.087.700
	9.323.978.745	1.569.640.831

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.946.830.371	6.355.083.175
Chi phí nhân công	31.533.942.826	30.213.366.518
Chi phí khấu hao	71.466.491.234	69.179.371.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.258.342.702	7.034.319.749
Chi phí khác	57.365.491.942	58.738.894.422

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	112.591.825.803	79.288.199.018
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22.518.365.161	15.857.639.804
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.895.554.853	313.928.166
Miễn thuế	(24.413.920.014)	(16.171.567.970)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, dự án của Công ty được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc Quý IV/2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	112.591.825.803	79.288.199.018
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*) (VND)		-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	112.591.825.803	79.288.199.018
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm(cổ phiếu) (**)	41.870.714	41.529.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.689	1.909

(*) Tại Quý IV/2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc Quý IV/2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc Quý IV/2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(**)Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính dựa trên nguyên tắc số bình quân gia quyền của cổ phiếu khi ghi nhận được tiền.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc Quý IV/2017 (tiếp theo)


Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty mẹ		
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	-	7.943.844.186
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	-	7.943.844.186
Phí thương hiệu	1.204.236.892	-
Chia cổ tức	14.850.000.000	59.400.000.000
Mua dịch vụ	177.532.279	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Vimeco		
Mua hàng	878.418.568	3.919.258.995
Số gốc vay trả trong năm	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex		
Mua hàng	18.000.000.000	-
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại		
Mua hàng	-	14.591.770
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.313.803.915	2.952.507.125

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Số: 24 /2018/CV-TCKH

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế quý 4/2017 so với quý 4/2016.

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2017, kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập vào ngày 15/01/2018 trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2017 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2016 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Quý 4 năm 2017 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: **32.875.871.156 đồng**; Quý 4 năm 2016 là: **20.192.764.064 đồng**, Lợi nhuận quý 4 năm 2017 tăng hơn so với lợi nhuận quý 4 năm 2016 là: **12.683.107.092 đồng** tương đương tăng **62,81%**

Nguyên nhân tăng do:

Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn. Lợi nhuận quý 4/2017 tăng 12.683.107.092 đồng so với lợi nhuận quý 4/2016 nguyên nhân tăng do:

1. Thủy văn quý 4/2017 mưa nhiều, sản lượng điện quý 4/2017 tăng so với sản lượng điện quý 4/2016 tương đương tăng doanh thu 17.800.685.422 đồng tương ứng tăng 16,12%.
2. Trong quý 4/2017 giá vốn hàng bán 43.352.055.030 đồng; giá vốn hàng bán quý 4/2016 là: 37.443.141.630 đồng. Giá vốn hàng bán quý 4/2017 tăng so với giá vốn hàng bán quý 4/2016 là: 5.908.913.400 đồng tương ứng tăng 15,78%.

Hai nguyên nhân chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế quý 4/2017 tăng so với lợi nhuận sau thuế quý 4/2016 tương ứng tăng 62,81%

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2017 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng!

Người đại diện theo Pháp luật

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKH.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Văn